

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung, mức chi trong thực hiện công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh "về việc thông qua dự thảo nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi trong thực hiện công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu"; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định một số nội dung, mức chi trong thực hiện công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi trong thực hiện công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

b) Người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

Điều 2. Nội dung và mức chi trong thực hiện công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy

1. Chi tiền ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh như sau:

a) Định mức tiền ăn hàng tháng của người cai nghiện ma túy bắt buộc thực hiện theo khoản 1 Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy (gọi tắt là *Nghị định số 116/2021/NĐ-CP*): Bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành.

b) Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (*đối với người cai nghiện bắt buộc là nữ*) hàng năm của người cai nghiện thực hiện theo khoản 2 Điều 65 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: Bằng 0,9 mức lương cơ sở hiện hành.

2. Chi hỗ trợ đưa người cai nghiện ma túy bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú:

a) Tiền ăn thực hiện theo điểm a khoản 11 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy (gọi tắt là *Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính*).

b) Tiền tàu, xe: Mức hỗ trợ 150.000 đồng/người/lần cai nghiện ma túy.

c) Cấp 01 (một) bộ quần áo thường: 300.000 đồng/bộ/người (*nếu họ không có*).

3. Chi cho công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy:

a) Người được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là cấp xã*) giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, đối tượng quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú được hưởng thù lao hàng tháng với mức 0,3 (*không phải ba*) lần mức lương cơ sở hiện hành.

Đối với cấp xã có từ 10 (mười) đối tượng trở xuống thì bố trí 01 (một) người phụ trách tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ, giúp đỡ đối tượng; đối với cấp xã có trên 10 (mười) đối tượng thì bố trí 02 (hai) người phụ trách tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ, giúp đỡ đối tượng; đối với cấp xã có trên 20 (hai mươi) đối tượng thì bố trí tối đa không quá 03 (ba) người phụ trách tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ, giúp đỡ đối tượng.

b) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP thì được chi hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện, mức hỗ trợ bằng 1,2 (một phẩy hai) lần mức lương cơ sở hiện hành.

4. Chi cho công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Bạc Liêu:

a) Người nghiện ma túy cư trú trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu khi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Bạc Liêu sẽ được hỗ trợ chi phí tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Người nghiện ma túy cư trú trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu khi cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập tỉnh Bạc Liêu sẽ được hỗ trợ 95% mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chi phí bao gồm các nội dung chi hỗ trợ sau:

- Chi phí cai nghiện ma túy: Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chi thuốc chữa bệnh thông thường: Mức chi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Chi tiền ăn, quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện tự nguyện là nữ): Mức chi theo quy định tại khoản 1 điều này.

5. Các nội dung khác không quy định tại nghị quyết này sẽ thực hiện theo Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ ngân sách Nhà nước theo quy định phân cấp quản lý của Luật Ngân sách Nhà nước.


Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật.

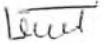
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa X, kỳ họp thứ mười thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023. Thay thế Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh “*về việc quy định mức đóng góp, chế độ miễn, giảm và hỗ trợ cho học viên cai nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy, tại cộng đồng; chế độ miễn cho học viên cai nghiện tự nguyện tại Cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*”.

Nơi nhận:

- UBND (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Các Bộ: LĐ - TB và XH, TC (báo cáo);
- Vụ Pháp chế của các Bộ có liên quan;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh ;
- Các Sở: LĐ - TB và XH, TC, TP, YT;
- TT, HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu (NH). 



CHỦ TỊCH 

Lữ Văn Hùng